

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2018/DS-PT

Ngày 10 - 10 - 2018

V/v tranh chấp dân sự về đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Trâm Anh

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp dân sự về đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị E (Bé E), sinh năm: 1956. Địa chỉ: Khu phố VP2, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Đồng bị đơn:* Bà Lê Thị Á, sinh năm: 1955 và anh Lê Thái Ng (Út Ch), sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Bà Á có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ng có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. NLQ2 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. NLQ3 (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Thái Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:

Năm 2005, bà E có nhận chuyển nhượng diện tích đất 6.725m² của NLQ1 với giá 4,1 lượng vàng 24 kara. Vào thời điểm chuyển nhượng, NLQ1 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không tiến hành tách thửa đất được.

Năm 2008, bà Nguyễn Thị Th (là chị ruột của bà E) có kêu bà Á cho mượn phần đất này của bà E để cất chòi ở tạm, bà E cũng đồng ý cho mượn. Năm 2011 bà Á cất nhà lớn, bà E không đồng ý nên ngăn cản không cho bà Á cất nhà. Năm 2012, bà E làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi tiến hành đo đạc để được cấp giấy, thì bà Á và anh Ng không cho đo đất và cho rằng bà Nguyễn Thị Th (chị bà E) có thiếu vàng của bà Á, nên không đồng ý giao trả đất cho bà E. Nay bà E yêu cầu bà Á, vợ chồng anh Ng, NLQ2 phải di dời nhà trả đất cho bà E.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà Lê Thị Á, anh Lê Thái Ng và vợ là chị Hồ Thị L di dời nhà, cây trồng, trả diện tích đất theo đo thực tế là 4988,4m², tọa lạc tại ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Bà đồng ý hỗ trợ cho anh Ng chi phí bồi đắp, cải tạo đất và cây trồng theo định giá là 26.328.000 đồng. Các khoản chi phí định giá tài sản, lập sơ đồ bản vẽ, bà đồng ý nộp, không yêu cầu bị đơn trả lại.

Bị đơn bà Lê Thị Á trình bày:

Trước đây, bà Á có cho bà Th (là chị của bà E) mượn 02 lượng vàng. Sau đó, mẹ bà Á bệnh, nên bà Á đòi bà Th trả lại số vàng cho mượn. Nhưng bà Th không trả mà nói là có phần đất bên sông, nên kêu bà Á lấy phần đất để trừ số vàng bà Th thiếu. Khi đó bà Th nói một công đất giá một lượng, bà Th thiếu 02 lượng thì trừ qua, còn bao nhiêu thì từ từ làm rồi trả sau. Bà đồng ý nên dọn đến cất nhà ở tạm với mẹ bà và anh Ng.

Khi cất nhà thì bên bà H là vợ NLQ3 vô kêu trả tiền đất và nói đất đó là của bà H. Lúc đó bà H ra giá là 01 mét chiều ngang bằng 3.000.000 đồng. Bà Á đồng ý mua 12 mét, còn bao nhiêu trả lại, nhưng sau đó bên bà H không đồng ý giá 3.000.000 đồng mà đòi giá 5.000.000 đồng 01 mét. Lúc đó bà Th có nói với bà Á là mua với giá 5.000.000 đồng 01 mét luôn đi, rồi bà Th chịu cho bà Á 2.000.000 đồng mỗi mét. Bà đồng ý, nhưng ngày hôm sau thì chị em của bà H không đồng ý bán đất nữa.

Lúc đó bà Á đã mua cây lá xong nhưng không cất nhà được. Thấy vậy bà Á có yêu cầu bà Th trả 02 lượng vàng để tìm đất khác cất nhà, nhưng bà Th không trả mà nói sẽ bồi thường lại tiền chi phí cây lá cho bà Á, nhưng để khoảng 05 tháng sau vẫn không bồi thường, bà Th không nói gì hết rồi im lặng luôn. Bà thấy vậy mới cất nhà cho ông Ng ở, còn bà Á thì tới lui chứ không ở luôn, khi hòa giải ở ấp bà có làm bảng kê chi phí bồi thường tiền nhân công và cây lá. Nay bà E yêu cầu trả đất thì bà Á đồng ý trả đất lại cho bà E, nhưng khi nào bà Th trả vàng, thì mới trả đất cho bà E.

Tại phiên tòa, bà thống nhất trả đất cho bà Nguyễn Thị E, nhưng yêu cầu bà E phải tìm chỗ ở khác cho bà.

Bị đơn anh Lê Thái Ng trình bày:

Trước đây, anh không biết phần đất là của bà E, vì người kêu cho mượn là bà Th, thời điểm đó là đất lung năn, hằm trâu, khi nhận đất mới cải tạo bồi đắp nền nhà và múc vuông. Khi xảy ra tranh chấp thì biết diện tích đất này là của bà Nguyễn Thị E, bà E đòi lại thì cũng đồng ý trả cho bà E, nhưng yêu cầu bà Nguyễn Thị E bồi thường công sức, chi phí cải tạo đất và cây trồng 110.000.000 đồng. Trong đó: Tiền chi phí bồi đắp, cải tạo đất là 80.000.000 đồng; 10 cây dừa 20.000.000 đồng (mỗi cây 2.000.000 đồng); 02 bụi tre 5.000.000 đồng (mỗi bụi tre 2.500.000 đồng); 02 cây mít 5.000.000 đồng (mỗi cây 2.500.000 đồng). Các loại cây khác tự thu hoạch, không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, anh thống nhất trả đất cho bà E, nhưng yêu cầu bà E tìm chỗ ở khác cho gia đình anh Ng, nếu không thì phải bồi thường 110.000.000 đồng như đơn phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *NLQ3 trình bày:* Năm 2005, NLQ3 và bà E hùn vàng nhận chuyển nhượng đất của NLQ1, nhưng sau này đã cho bà E luân. Phần đất này NLQ3 đã cho bà E toàn bộ, nên bà E có quyền quyết định, NLQ3 không có ý kiến gì.

2. *NLQ2 trình bày:* Năm 2005, NLQ1 có thỏa thuận chuyển nhượng cho NLQ3 phần đất tọa lạc tại ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Ông bà đã nhận đủ tiền và giao đất xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, không có tranh chấp gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị E đối với bà Lê Thị Á, anh Lê Thái Ng. Buộc bà Lê Thị Á, vợ chồng anh Lê Thái Ng, NLQ2 di dời nhà, thu hoạch các cây trồng không có yêu cầu hỗ trợ, trả cho bà Nguyễn Thị E diện tích đất theo đo đạc thực tế là 4988,4 m², thuộc thửa đất số 31063.03.295, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh Kiên Giang do NLQ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất có các cạnh như sau: Cạnh 1-2 = 74,5 mét; cạnh 2-3 = 14,5 mét; cạnh 3-4 = 30 mét; cạnh 4-5 = 4,8 mét; cạnh 5-6 = 37,69 mét; cạnh 6-7 = 45,14 mét; cạnh 7-8 = 19,37 mét; cạnh 8-9 = 33 mét; cạnh 9-1 = 42,5 mét.

(Vị trí đất được thể hiện theo sơ đồ bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Thuận lập ngày 18/01/2018, đã có trừ hành lang lộ giới).

Bà Lê Thị Á, anh Lê Thái Ng, NLQ2 được lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ ngày tuyên án (15/6/2018).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị E hỗ trợ cho anh Lê Thái Ng số tiền theo định giá là 26.328.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Công đào đắp đất nền nhà là 17.308.000 đồng; các cây trồng là 9.020.000 đồng (cụ thể: dừa 800.000 đồng/cây x 10 cây = 8.000.000 đồng; mít 160.000 đồng/cây x 02 cây = 320.000 đồng; Tre măng tông 20.000 đồng/cây x 35 cây (02 bụi) = 700.000 đồng). Giao cho bà Nguyễn Thị E các loại cây trồng đã hỗ trợ cho anh Ng nêu trên.

Các loại cây trồng còn lại, anh Ng không yêu cầu hỗ trợ nên có nghĩa vụ thu hoạch, di dời để giao trả đất cho bà Nguyễn Thị .

Không chấp nhận đối với yêu cầu còn lại của anh Lê Thái Ng với số tiền 83.672.000 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí định giá và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/6/2018, bị đơn anh Lê Thái Ng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Buộc bà Nguyễn Thị E phải bồi thường và hỗ trợ cho anh 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để anh có điều kiện di dời và làm ăn sinh sống. Nếu bà Nguyễn Thị E không đồng ý hỗ trợ số tiền nêu trên, thì anh vẫn tiếp tục quản lý và sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Lê Thái Ng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, nguyên đơn bà Nguyễn Thị E không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Thái Ng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ1, NLQ2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Lê Thái Ng thấy rằng: Căn cứ và bản kê bồi hoàn chi phí do bà Lê Thị Á tự lập (BL 122), thì tiền công cải tạo và bồi hoàn đất là 13.700.000 đồng. Anh Lê Thái Ng thừa nhận phần đất đang tranh chấp nêu trên, anh chỉ sử dụng vào việc thả tôm và cấy lúa. Việc anh Ng muốn canh tác trên đất có hiệu quả thì phải bỏ công sức, cải tạo đất. Từ trước đến nay, anh Ng đã thu được nhiều hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị E, còn bà E không thu bất cứ tiền gì đối với diện tích đất nêu trên, nên khoản hoa lợi thu được đã phần nào bù đắp công sức cải tạo và gìn giữ đất.

Bên cạnh đó, khi giữa bà E với bà Á, anh Ng không thống nhất được giá trị chi phí đắp nền nhà, cải tạo đất và cây trồng, thì bà Em có yêu cầu Cơ quan chuyên môn tiến hành định giá. Tại chứng thư định giá số 26/CT-ĐGBĐS/KGRE ngày 05/4/2018 của Công ty Cổ phần bất động sản Kiên Giang xác định: Công đào đất đắp nền nhà là 17.308.000 đồng, các cây trồng là 9.020.000 đồng. Bà Á và anh Ng không đồng ý kết quả định giá nêu trên, Tòa án đã thông báo cho bà Á, anh Ng tiến hành thủ tục định giá lại, nhưng hết thời gian được Tòa án ấn định, bà Á, anh Ng không thực hiện, nên xem như từ bỏ yêu cầu của mình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả của chứng thư định giá để xét xử là phù hợp.

Việc anh Ng yêu cầu bà Á phải bồi thường với số tiền 110.000.000 đồng, nhưng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm không đưa được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Nên kháng cáo của anh Ng, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bà Á và anh Ng cho rằng bà Nguyễn Thị Th (chị bà E) còn nợ hai cây vàng và cho mượn đất xảy ra việc tranh chấp bồi thường công sức, cải tạo gìn giữ đất với bà E như hiện nay, nếu có chứng cứ chứng minh thì bà Á, anh Ng có quyền khởi kiện bà Th ở một vụ án khác.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Thái Ng. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Á và anh Lê Thái Ng có trách nhiệm liên đới nộp án phí sơ thẩm đòi tài sản 300.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E được chấp nhận.

Anh Lê Thái Ng yêu cầu bà Nguyễn Thị E bồi thường số tiền 110.000.000 đồng, nhưng chỉ được hỗ trợ 26.328.000 đồng, nên anh Lê Thái Ng phải nộp án phí 5% trên số tiền không được Tòa án chấp nhận 81.672.000 đồng (110.000.000 đồng - 26.328.000 đồng) là 4.183.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền tự nguyện hỗ trợ cho anh Lê Thái Ng là 26.328.000 đồng = 1.316.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Thái Ng phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Chi phí tố tụng khác:

Chi phí định giá tài sản 1.430.000 đồng và chi phí đo vẽ 2.041.000 đồng. Tổng cộng 3.471.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E được chấp nhận, nên anh Ng và bà Á phải chịu, nhưng bà Em tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 165, 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 166, 221, 223 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 166 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Thái Ng.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị E đối với bà Lê Thị Á, anh Lê Thái Ng. Buộc bà Lê Thị Á, vợ chồng anh Lê Thái Ng, NLQ2 di dời nhà, thu hoạch các cây trồng không có yêu cầu hỗ trợ, trả cho bà Nguyễn Thị E diện tích đất theo đo đạc thực tế là 4.988,4 m², thuộc thửa đất số 31063.03.295, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh Kiên Giang do NLQ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất có các cạnh như sau:

Cạnh 1-2 = 74,50m; Cạnh 2-3 = 14,50m; Cạnh 3-4 = 30m; Cạnh 4-5 = 4,8m giáp đất Nguyễn Minh Tà;

Cạnh 5-6 = 37,69m giáp đất Nguyễn Thị T;

Cạnh 6-7 = 45,14m; Cạnh 7-8 = 19,37m; Cạnh 8-9 = 33m giáp đất hành lang an toàn giao thông Lộ Liên ấp;

Cạnh 9-1 = 42,5m giáp đất NLQ1.

(Vị trí đất được thể hiện theo sơ đồ bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VT lập ngày 18/01/2018, đã có trừ hành lang lộ giới).

Bà Lê Thị Á, anh Lê Thái Ng, NLQ2 được lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ ngày tuyên án (15/6/2018).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị E hỗ trợ cho anh Lê Thái Ng số tiền theo định giá là 26.328.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*). Trong đó: Công đào đắp đất nền nhà là 17.308.000 đồng; các cây trồng là 9.020.000 đồng (cụ thể: dừa 800.000 đồng/cây x 10 cây = 8.000.000 đồng; mít 160.000 đồng/cây x 02 cây = 320.000 đồng; Tre măng tông 20.000 đồng/cây x 35 cây (02 bụi) = 700.000 đồng). Giao cho bà Nguyễn Thị E các loại cây trồng đã hỗ trợ cho anh Ng nêu trên.

Các loại cây trồng còn lại, anh Ng không yêu cầu hỗ trợ nên có nghĩa vụ thu hoạch, di dời để giao trả đất cho bà Nguyễn Thị E.

Không chấp nhận đối với yêu cầu còn lại của anh Lê Thái Ng với số tiền 83.672.000 đồng (*Tám mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Á và anh Lê Thái Ng phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm đòi tài sản 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Anh Lê Thái Ng phải nộp án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận 4.183.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005533 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Anh Lê Thái Ng phải nộp thêm là 1.433.000đ (*Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.316.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005388 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị E phải nộp thêm là 1.016.000đ (*Một triệu không mười sáu nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lê Thái Ng phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002072 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Anh Ng không phải nộp thêm.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí định giá tài sản và chi phí đo vẽ tổng cộng với số tiền 3.471.000 đồng, bà Nguyễn Thị E tự nguyện nộp và đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện VT;
- THA dân sự huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thi